

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2026
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Y Tha Mlô

- Bà Trần Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-DS ngày 30/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-DS, ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Huyền T (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn:** Ông Bùi Thanh T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, xã Q, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:**

Tôi và anh Bùi Thanh T1 đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã E.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung do chồng đam mê cờ bạc, đổ đen dẫn đến nợ nần lần này đến lần khác, không thay đổi được, hiện nay vợ chồng tôi không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T1

Về con chung: Tôi và anh **Bùi Thanh T1** có 02 con chung là cháu **Bùi An N** - sinh ngày 30/7/2014 và cháu **Bùi An N1** – sinh ngày 22/9/2016. Hiện nay các cháu đang do tôi nuôi dưỡng, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông **Bùi Thanh T1** không tham gia tố tụng tại Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà **Nguyễn Thị Huyền T** và ông **Bùi Thanh T1** tự nguyện đăng kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc**, trong quá trình chung sống vợ chồng bà **T**, ông **T1** đã xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà **T** được ly hôn với ông **T1**. Về con chung: Giao con chung là cháu **Bùi An N** - sinh ngày 30/7/2014 và cháu **Bùi An N1** – sinh ngày 22/9/2016 cho bà **Nguyễn Thị Huyền T** nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà **T** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại **xã Q, tỉnh Đắc Lắc**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Huyền T** và ông **Bùi Thanh T1** tự nguyện đăng kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã

E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Huyền T cho rằng cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Huyền T2

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Bùi Thanh T1 có 02 con chung là cháu Bùi An N - sinh ngày 30/7/2014 và cháu Bùi An N1 - sinh ngày 22/9/2016. Quá trình giải quyết bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N, cháu N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Bùi Thanh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Bùi Thanh T1

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu **Bùi An N** - sinh ngày 30/7/2014 và cháu **Bùi An N1** – sinh ngày 22/9/2016 cho bà **Nguyễn Thị Huyền T** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông **Bùi Thanh T1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huyền T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 1672 ngày 07/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 - Đắk Lắk;
- THA DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Dự

